

Khối

Danh Sách Ghi Điểm
Kết thúc học phần-Lần 1
Học kỳ 1 - Năm học 2023 - 2024

18/3

D71.111

Học phần: Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam (180053)

Số tín chỉ: 2

Nhóm/Lớp: (36 -)/DA21KTHY

CBGD: Kiều Văn Đạt (03583)

Hình thức đánh giá: T.N

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc
18 / 3 / 2024

Phòng thi: D71.111

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Ghi chú
1	118421003	Cao Thị Ngọc	Đang	18/06/2002	Nữ	7,0	2,5	4,8	001	<u>Đang</u>	
2	118421004	Tăng Nhật	Đang	21/12/2003	Nam	8,0	3,0	5,5	002	<u>Đang</u>	
3	118421008	Đoàn Minh	Huy	27/06/2003	Nam	7,0	3,3	5,2	003	<u>Đang</u>	
4	118421015	Ngô Hoàng	Lộc	12/11/2002	Nam	8,0	4,8	6,4	004	<u>Đang</u>	
5	118421016	Huỳnh Thế	Luân	05/11/2003	Nam	7,5	2,5	5,0	005	<u>Đang</u>	5,0 ⁸⁴
6	118421019	Hồ Minh	Phúc	08/01/2003	Nam	7,5	4,5	6,0	006	<u>Đang</u>	
7	118421022	Huỳnh Trường	Sơn	16/10/2003	Nam	8,5	3,8	6,2	007	<u>Đang</u>	
8	118421023	Nguyễn Minh	Tâm	03/07/2002	Nam	8,5	4,5	6,5	008	<u>Đang</u>	
9	118421025	Bùi Văn Triệu	Thiên	12/11/2003	Nam	8,0	3,0	5,5	009	<u>Đang</u>	
10	118421036	Vân Thị Thanh	Nhân	03/08/2003	Nữ	7,0	3,0	5,0	010	<u>Đang</u>	
11	118421042	Huỳnh Lê Lộc	Phú	07/05/2003	Nam	7,0	3,3	5,2	011	<u>Đang</u>	
12	118421043	Võ Duy	Khương	08/11/2003	Nam	8,0	4,3	6,2	012	<u>Đang</u>	
13	118421044	Nguyễn Thị Anh	Đào	25/03/2003	Nữ	8,0	4,5	6,3	013	<u>Đang</u>	
14	118421047	Lưu Văn	Khánh	19/03/2003	Nam	8,0	4,0	6,0	014	<u>Đang</u>	
15	118421048	Cao Thị Huyền	Châm	01/01/2002	Nữ	8,5	2,5	5,5	015	<u>Đang</u>	2,5
16	118421053	Nguyễn Huỳnh Chấn	Hào	02/10/2003	Nam	6,5	2,3	4,4	016	<u>Đang</u>	2,3 ⁸⁴
17	118421059	Nguyễn Thị Quế	Lan	25/06/2003	Nữ	7,5	3,8	5,7	017	<u>Đang</u>	
18	118421062	Chung Nhật	Tân		Nam	7,0	3,3	5,2	018	<u>Đang</u>	
19	118421063	Hà Ngọc Yến	Nhi	05/07/2003	Nữ	7,5	3,5	5,5	019	<u>Đang</u>	
20	118421066	Phạm Hoàng	Vũ	16/09/1988	Nam	8,5	4,3	6,4	020	<u>Đang</u>	
21	118421067	Trịnh Thị Huỳnh	Như	03/03/2003	Nữ	7,5	2,5	5,0	021	<u>Đang</u>	

Tổng số sv, hs trên danh sách: 21...

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 21...

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 21...

Tổng số tờ:.....

Điểm QT: 50 %; Điểm KT: 50 %

Trà Vinh, Ngày 04 tháng 4 năm 2024

Cán bộ coi thi 1:.....

Cán bộ ghi điểm:.....

Nguyễn Thị Nhân

Sơn Sơn La

Cán bộ coi thi 2:.....

Cán bộ kiểm tra:.....

Nguyễn Thị Lành

Danh Sách Ghi Điểm
Kết thúc học phần-Lần 1
Học kỳ 1 - Năm học 2023 - 2024

18/3

Đ71.112

Học phần: Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam (180053)

Số tin chỉ: 2

Nhóm/Lớp: (36 -)/DA21KTHY

CBGD: Kiều Văn Đạt (03583)

Hình thức đánh giá: Thực nghiệm

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

.....18...../.....03...../.....2024.....

Phòng thi: Đ71.112

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQ T	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Ghi chú
1	118421069	Bùi Hồng Quân	03/01/2003	Nam	7,0	3,0	5,0	001	<u>ĐHB</u>		
2	118421072	Võ Thành Danh	15/06/2003	Nam	7,5	5,0	6,3	002	<u>ĐHB</u>		
3	118421082	Thị Vân Anh	11/07/2003	Nữ	8,0	2,5	5,3	003	<u>ĐHB</u>		
4	118421083	Nguyễn Quốc Tuấn	21/05/2003	Nam	8,5	6,0	7,3	004	<u>ĐHB</u>		
5	118421087	Nguyễn Trần Phương Thi	12/06/2003	Nữ	7,5	4,8	6,2	005	<u>ĐHB</u>		
6	118421088	Nguyễn Trần Phương Uyên	12/06/2003	Nữ	7,5	3,0	5,3	006	<u>ĐHB</u>		
7	118421091	Nguyễn Thị Mỹ Duyên	19/07/2003	Nữ	7,5	—	—	—	<u>ĐHB</u>		Vắng
8	118421093	Đặng Hồ Quốc Triệu	02/12/2003	Nam	7,5	5,5	6,5	108	<u>ĐHB</u>		
9	118421094	Nguyễn Thị Ngọc Rạng	15/05/2003	Nữ	8,0	3,8	5,9	009	<u>ĐHB</u>		
10	118421098	Võ Ngọc Châu Đoan	30/04/2003	Nữ	8,5	4,8	6,7	010	<u>ĐHB</u>		
11	118421103	Nguyễn Thị Ngọc Quý	25/07/2003	Nữ	8,0	3,3	5,7	011	<u>ĐHB</u>		
12	118421104	Trì Văn Trung	02/05/2003	Nam	8,0	4,0	6,0	012	<u>ĐHB</u>		
13	118421106	Dương Huỳnh Phong	22/08/2003	Nam	8,0	4,5	6,3	013	<u>ĐHB</u>		
14	118421111	Huỳnh Thúy Ngân	26/02/2003	Nữ	7,0	3,3	5,2	014	<u>ĐHB</u>		
15	118421112	Thạch Hoàng Nhật	28/05/2002	Nam	8,5	4,8	6,7	015	<u>ĐHB</u>		
16	118421113	Nguyễn Quốc Huy Tân	14/09/2003	Nam	7,0	3,8	5,4	016	<u>ĐHB</u>		
17	118421114	Lý Bảo Khang	23/12/2003	Nam	8,0	3,3	5,7	017	<u>ĐHB</u>		
18	118521002	Nguyễn Ngọc Hà	20/07/2002	Nữ	8,5	3,3	5,9	018	<u>ĐHB</u>		
19	118521007	Nguyễn Châu Trang	15/10/2003	Nữ	7,0	3,0	5,0	019	<u>ĐHB</u>		

Tổng số sv, hs trên danh sách: 19

Tổng số sv, hs dự đánh giá:

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo:

Tổng số tờ: ✓

Điểm QT: 50 %, Điểm KT: 50 %

Trà Vinh, Ngày 04 tháng 4 năm 2024

Cán bộ coi thi 1: Thầy Cao Dương Phương Lan

Cán bộ ghi điểm: ĐHB

Sơn Sơn La

Cán bộ coi thi 2:

Cán bộ kiểm tra: ĐHB

Nguyễn Thị Lành

TRƯỜNG ĐẠI HỌC TRÀ VINH
HỘI ĐỒNG THI HỌC KỲ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SƠ ĐỒ CHỖ NGỒI TRONG PHÒNG THI

(Dùng trong đánh giá kết thúc học phần)

Học phần: Lịch sử ACS Việt Nam.....
 Nhóm/Lớp (ghi mã): DA21.KH.Y.....
 Sĩ số: 19.....

Ngày đánh giá: 18.. / 03. /2024
 Thời gian làm bài: 60 phút
 Phòng thi: Đ71.112.....

	1184210112	118421098	118421087
118521007	118421011	118421094	118421083
118521002	118421006	118421093	118421082
11842101	118421104	118421091	118421072
11842103	11842103	118421088	118421069

CBCT 1: Thầy Cao Dương Phương Lan.....
 CBCT 2:

BÀN GIÁO VIÊN

TRƯỜNG ĐẠI HỌC TRÀ VINH
HỘI ĐỒNG THI HỌC KỲ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SƠ ĐỒ CHỖ NGỒI TRONG PHÒNG THI

(Dùng trong đánh giá kết thúc học phần)

Học phần: Lịch Sử Đảng Cộng Sản Việt Nam

Nhóm/Lớp (ghi mã): D.2.1.1.T.H.Y....

Sĩ số: 21

Ngày đánh giá: 18 / 3 / 2024

Thời gian làm bài: 60 ..phút

Phòng thi: D.7.1.111

019

022

059

023

053

016

025

048

015

036

047

008

042

044

004

043

066

003

067

CBCT 1: Nguyễn Văn Khoa

CBCT 2:

BÀN GIÁO VIÊN